

Kinh Đại Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa
(Trọn bộ 24 tập)

Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang
Việt dịch: Hòa Thượng Thích Trí Nghiêm
Khảo dịch: Hòa Thượng Thích Thiện Siêu
Sài Gòn 1998

--- o0o ---

Tập 20
QUYỂN THỨ 484
HỘI THỨ BA

Phẩm
THIỆN HIỆN
Thứ 3 - 3

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:
Bạch Thế Tôn! Nếu các Bồ-tát muốn mãi Bồ thí Ba-
la-mật-đa, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa; muốn
mãi Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tiến, Tĩnh lực, Bát-nhã
Ba-la-mật-đa, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu các Bồ-tát muốn biết khắp sắc, nên học
Bát-nhã Ba-la-mật-đa; muốn biết khắp thọ tướng
hành thức, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu các Bồ-tát muốn biết khắp nhãn xứ, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa; muốn biết khắp nhĩ tỷ thiết thân ý xứ, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu các Bồ-tát muốn biết khắp sắc xứ, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa; muốn biết khắp thanh hương vị xúc pháp xứ, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu các Bồ-tát muốn biết khắp nhãn giới, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa; muốn biết khắp nhĩ tỷ thiết thân ý giới, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu các Bồ-tát muốn biết khắp sắc giới, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa; muốn biết khắp thanh hương vị xúc pháp giới, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu các Bồ-tát muốn biết khắp nhãn thức giới, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa; muốn biết khắp nhĩ tỷ thiết thân ý thức giới, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu các Bồ-tát muốn biết khắp nhãn xúc, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa; muốn biết khắp nhĩ tỷ thiết thân ý xúc, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu các Bồ-tát muốn biết khắp nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa; muốn biết khắp nhĩ tỷ thiết thân ý xúc làm

duyên sanh ra các thọ, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu các Bồ-tát muốn biết khắp địa giới, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa; muốn biết khắp thủy hỏa phong không thức giới, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu các Bồ-tát muốn biết khắp vô minh, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa; muốn biết khắp hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu các Bồ-tát muốn dứt hẳn tham dục, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa; muốn dứt hẳn giận dữ, ngu si, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu các Bồ-tát muốn dứt hẳn tà kiến, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa; muốn dứt hẳn giới cấm thủ, nghi, dục tham, giận dữ, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu các Bồ-tát muốn dứt hẳn sắc tham, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa; muốn dứt hẳn vô sắc tham, vô minh, mạn, lay động, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu các Bồ-tát muốn dứt hẳn tất cả tùy miên, trái gút, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu các Bồ-tát muốn dứt hẳn bốn thứ ăn, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu các Bồ-tát muốn dứt hẳn bốn ách, bốn bạo lưu, bốn lấy, bốn buộc thân và bốn điên đảo, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu các Bồ-tát muốn xa lìa mười bất thiện nghiệp đạo, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Nếu các Bồ-tát muốn thọ hành mười thiện nghiệp đạo, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu các Bồ-tát muốn viên mãn bốn tĩnh lực, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa; muốn viên mãn bốn vô lượng, bốn định vô sắc, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu các Bồ-tát muốn viên mãn bốn niệm trụ, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa; muốn viên mãn bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy đẳng giác chi, tám thánh đạo chi, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu các Bồ-tát muốn viên mãn Phật mười lực, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa; muốn viên mãn bốn vô sở úy, bốn vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu các Bồ-tát muốn tự tại vào Giác phần đẳng trì, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu các Bồ-tát muốn tự tại vào Sư tử du hý đẳng trì cho đến Sư tử phần tấn đẳng trì, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Nếu các Bồ-tát muốn đối tất cả đà-la-ni môn, tam-ma-địa môn đều được tự tại, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu các Bồ-tát muốn đối việc vào ra Kiện hành đẳng trì, Bảo ấn đẳng trì, Nguyệt quang đẳng trì, Nguyệt tràng tướng đẳng trì, Nhập nhất thiết pháp ấn đẳng trì, Quán ấn đẳng trì, Pháp giới quyết định đẳng trì, Quyết định tràng tướng đẳng trì, Kim cương dụ đẳng trì, Nhập chư pháp môn đẳng trì, Đẳng trì vương đẳng trì, Vương ấn đẳng trì, Lực nghiêm đẳng trì, Hòm báu đẳng trì, Nhập nhất thiết pháp ngôn từ quyết định đẳng trì, Nhập nhất thiết pháp trí an thọ đẳng trì, Quán sát thập phương đẳng trì, Nhất thiết pháp ấn đà-la-ni môn đẳng trì, Bất vong chư pháp đẳng trì, Nhất thiết pháp đẳng thú hành tướng ấn đẳng trì, Trụ hư không xứ đẳng trì, Tam luân thanh tịnh đẳng trì, Tùy thuận bất thối thần thông đẳng trì, Khí trung dũng xuất đẳng trì, Thắng định tràng tướng đẳng trì, Hàng phục phiền não đẳng trì, Phá tứ ma quân đẳng trì, Thành tựu thập lực đẳng trì và bao nhiêu vô lượng vô biên

các đảng trì khác đều được tự tại, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu các Bồ-tát muốn mãn sở nguyện tất cả hữu tình, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Nếu các Bồ-tát muốn mãn tất cả căn lành thù thắng, do căn lành đây được viên mãn nên chẳng đọa các ác thú, chẳng sanh nhà nghèo hèn, chẳng đọa bậc Thanh văn, chẳng đọa bậc Độc giác, ở Bồ-tát đĩnh quyết định chẳng đọa, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Khi ấy, Xá-lợi-tử hỏi Thiện Hiện rằng: Vì sao gọi là Bồ-tát đĩnh đọa?

Thiện Hiện đáp rằng: Nếu các Bồ-tát không phương tiện khéo léo tu hành sáu Ba-la-mật-đa, không phương tiện khéo léo trụ không, vô tướng, vô nguyện đảng trì, lui đọa Thanh văn hoặc bậc Độc giác, chẳng được ngôi Bồ-tát chánh quyết định, chẳng vào Bồ-tát Chánh tánh ly sanh. Như vậy gọi là Bồ-tát đĩnh đọa.

Khi ấy, Xá-lợi-tử hỏi Thiện Hiện rằng: Pháp nào gọi sanh?

Thiện Hiện đáp rằng: Sanh nghĩa là Bồ-tát tùy thuận pháp ái.

Xá-lợi-tử nói: Sao gọi Bồ-tát tùy thuận pháp ái? Thiện Hiện đáp rằng: Nếu các Bồ-tát tu hành Bát-

nhã Ba-la-mật-đa, an trụ sắc không, khởi tướng khởi chấp; an trụ thọ tướng hành thức không, khởi tướng khởi chấp. An trụ sắc vô tướng khởi tướng khởi chấp, an trụ thọ tướng hành thức vô tướng khởi tướng khởi chấp. An trụ sắc vô nguyên khởi tướng khởi chấp, an trụ thọ tướng hành thức vô nguyên khởi tướng khởi chấp. An trụ sắc vắng lặng khởi tướng khởi chấp, an trụ thọ tướng hành thức vắng lặng khởi tướng khởi chấp. An trụ sắc xa lìa khởi tướng khởi chấp, an trụ thọ tướng hành thức xa lìa khởi tướng khởi chấp. An trụ sắc vô thường khởi tướng khởi chấp, an trụ thọ tướng hành thức vô thường khởi tướng khởi chấp. An trụ sắc khổ khởi tướng khởi chấp, an trụ thọ tướng hành thức khổ khởi tướng khởi chấp. An trụ sắc vô ngã khởi tướng khởi chấp, an trụ thọ tướng hành thức vô ngã khởi tướng khởi chấp. An trụ sắc bất tịnh khởi tướng khởi chấp, an trụ thọ tướng hành thức bất tịnh khởi tướng khởi chấp.

Xá-lợi-tử! Đây là Bồ-tát tùy thuận pháp ái. Tức pháp ái đây nói tên là sanh.

Lại nữa, Xá-lợi-tử! Nếu các Bồ-tát khởi nghĩ này rằng: Sắc đây nên dứt, vì bởi đây sắc nên dứt; thọ tướng hành thức đây nên dứt, vì bởi đây thọ tướng hành thức nên dứt.

Khổ đây nên biết khắp vì bởi đây khổ nên biết khắp, Tập đây nên dứt hẳn vì bởi đây tập nên dứt hẳn, Diệt đây nên tác chứng vì bởi đây diệt nên tác chứng, Đạo đây nên tu tập vì bởi đây đạo nên tu tập.

Đây là tạp nhiễm, đây là thanh tịnh. Đây là nên gần gũi, đây chẳng nên gần gũi. Đây nên hành, đây chẳng nên hành. Đây là đạo, đây là phi đạo. Đây nên tu, đây chẳng nên tu. Đây nên học, đây chẳng nên học.

Đây Bồ thí Ba-la-mật-đa, đây chẳng phải Bồ thí Ba-la-mật-đa. Đây là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tiến, Tĩnh lự, Bát-nhã Ba-la-mật-đa; đây chẳng phải Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tiến, Tĩnh lự, Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Đây là phương tiện khéo léo Bồ-tát, đây chẳng phải phương tiện khéo léo Bồ-tát. Đây là Bồ-tát sanh, đây là Bồ-tát ly sanh.

Xá-lợi-tử! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa an trụ các thứ pháp môn đây thấy, khởi tướng khởi chấp, đấy là Bồ-tát tùy thuận pháp ái. Tức pháp ái đây nói tên là sanh, như vật ăn để cách đêm năng sanh làm bệnh hoạn. Trừ khiến đây gọi là ly sanh.

Khi ấy, Xá-lợi-tử hỏi Thiện Hiện rằng: Vì sao Bồ-tát Ma-ha-tát gọi vào Bồ-tát Chánh tánh ly sanh?

Thiện Hiện đáp rằng: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa, chẳng thấy nội không, chẳng nương nội không mà quán ngoại không. Chẳng thấy ngoại không; chẳng nương ngoại không mà quán nội không, chẳng nương ngoại không mà quán nội ngoại không. Chẳng thấy nội ngoại không; chẳng nương nội ngoại không mà quán ngoại không, chẳng nương nội ngoại không mà quán đại không. Chẳng thấy đại không; chẳng nương đại không mà quán nội ngoại không, chẳng nương đại không mà quán không không. Chẳng thấy không không; chẳng nương không không mà quán đại không, chẳng nương không không mà quán thắng nghĩa không. Chẳng thấy thắng nghĩa không; chẳng nương thắng nghĩa không mà quán không không, chẳng nương thắng nghĩa không mà quán hữu vi không. Chẳng thấy hữu vi không; chẳng nương hữu vi không mà quán thắng nghĩa không, chẳng nương hữu vi không mà quán vô vi không. Chẳng thấy vô vi không; chẳng nương vô vi không mà quán hữu vi không, chẳng nương vô vi không mà quán tất cánh không. Chẳng thấy tất cánh không; chẳng nương tất cánh không mà quán

vô vi không, chẳng nương tất cánh không mà quán vô tế không. Chẳng thấy vô tế không; chẳng nương vô tế không mà quán tất cánh không, chẳng nương vô tế không mà quán vô tán không. Chẳng thấy vô tán không; chẳng nương vô tán không mà quán vô tế không, chẳng nương vô tán không mà quán bốn tánh không. Chẳng thấy bốn tánh không; chẳng nương bốn tánh không mà quán vô tán không, chẳng nương bốn tánh không mà quán tướng không. Chẳng thấy tướng không; chẳng nương tướng không mà quán bốn tánh không, chẳng nương tướng không mà quán nhất thiết pháp không. Chẳng thấy nhất thiết pháp không; chẳng nương nhất thiết pháp không mà quán tướng không, chẳng nương nhất thiết pháp không mà quán vô tánh không. Chẳng thấy vô tánh không; chẳng nương vô tánh không mà quán nhất thiết pháp không, chẳng nương vô tánh không mà quán vô tánh tự tánh không. Chẳng thấy vô tánh tự tánh không, chẳng nương vô tánh tự tánh không mà quán vô tánh không.

Xá-lợi-tử! Bồ-tát Ma-ha-tát này khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa tác quán như thế gọi vào Bồ-tát Chánh tánh ly sanh.

Lại nữa, Xá-lợi-tử! Các Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa thẳm sâu như vậy: Nghĩa là đối sắc và danh nên biết chẳng nên đắm, đối thọ tướng hành thức và danh nên biết chẳng nên đắm. Đối nhãn xứ và danh nên biết chẳng nên đắm, đối nhĩ tỷ thiết thân ý xứ và danh nên biết chẳng nên đắm. Đối sắc xứ và danh nên biết chẳng nên đắm, đối thanh hương vị xúc pháp xứ và danh nên biết chẳng nên đắm.

Đối nhãn giới và danh nên biết chẳng nên đắm, đối nhĩ tỷ thiết thân ý giới và danh nên biết chẳng nên đắm. Đối sắc giới và danh nên biết chẳng nên đắm, đối thanh hương vị xúc pháp giới và danh nên biết chẳng nên đắm. Đối nhãn thức giới và danh nên biết chẳng nên đắm, đối nhĩ tỷ thiết thân ý thức giới và danh nên biết chẳng nên đắm.

Đối Bồ thí Ba-la-mật-đa và danh nên biết chẳng nên đắm; đối Tịnh giới, An nhãn, Tịnh tiến, Tĩnh lự, Bát-nhã Ba-la-mật-đa và danh nên biết chẳng nên đắm.

Đối bốn tĩnh lự và danh nên biết chẳng nên đắm; đối bốn vô lượng, bốn vô sắc định và danh nên biết chẳng nên đắm.

Đối bốn niệm trụ và danh nên biết chẳng nên đắm; đối bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn,

năm lực, bảy đẳng giác chi, tám thánh đạo chi và danh nên biết chẳng nên đấm.

Đôi năm nhãn và danh nên biết chẳng nên đấm, đôi sáu thần thông và danh nên biết chẳng nên đấm.

Đôi Phật mười lực và danh nên biết chẳng nên đấm; đôi bốn vô sở úy, bốn vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng và danh nên biết chẳng nên đấm.

Như vậy Xá-lợi-tử! Các Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa, đôi tâm Bồ-đề và danh nên biết chẳng nên đấm, đôi tâm vô đẳng đẳng và danh nên biết chẳng nên đấm, đôi tâm quảng đại và danh nên biết chẳng nên đấm. Vì có sao? Xá-lợi-tử! Tâm này phi tâm, vì bản tánh tịnh vậy.

Khi ấy, Xá-lợi-tử hỏi Thiện Hiện rằng: Vì sao tâm này bản tánh thanh tịnh?

Thiện Hiện đáp rằng: Bản tánh tâm này chẳng tương ưng tham, chẳng phải chẳng tương ưng. Chẳng tương ưng sân, chẳng phải chẳng tương ưng. Chẳng tương ưng si, chẳng phải chẳng tương ưng. Chẳng tương ưng các trói gút, tùy miên, kiến thủ và chướng, chẳng phải chẳng tương ưng. Cùng tâm các Thanh văn, Độc giác thấy cũng chẳng tương ưng,

chẳng phải chẳng tương ưng. Xá-lợi-tử! Các Bồ-tát Ma-ha-tát biết tâm như vậy bản tánh thanh tịnh.

Bấy giờ, Xá-lợi-tử lại hỏi Thiện Hiện rằng: Tâm này vì có phi tâm tánh chẳng?

Thiện Hiện hỏi gạn lại rằng: Trong phi tâm tánh, có tánh không tánh vì khá được chẳng?

Xá-lợi-tử nói: Thiện Hiện! Chẳng khá được vậy.

Thiện Hiện đáp rằng: Trong phi tâm tánh có tánh không tánh đã chẳng khá được, vì sao mà hỏi tâm này vì có phi tâm tánh chẳng?

Khi đó Xá-lợi-tử hỏi Thiện Hiện rằng: Những gì gọi là phi tâm tánh ư?

Thiện Hiện đáp rằng: Đối tất cả pháp không biến khác, không phân biệt, đấy gọi phi tâm tánh.

Xá-lợi-tử nói: Vì chỉ tâm không biến khác, không phân biệt, hay những pháp khác cũng không biến khác, không phân biệt ư?

Thiện Hiện đáp rằng: Như tâm không biến khác không phân biệt, sắc thọ tưởng hành thức cũng không biến khác không phân biệt. Như tâm không biến khác không phân biệt, nhãn xứ cho đến ý xứ cũng không biến khác không phân biệt. Như

tâm không biến khác không phân biệt, sắc xứ cho đến pháp xứ cũng không biến khác không phân biệt. Như tâm không biến khác không phân biệt, nhãn giới cho đến ý giới cũng không biến khác không phân biệt. Như tâm không biến khác không phân biệt, sắc giới cho đến pháp giới cũng không biến khác không phân biệt. Như tâm không biến khác không phân biệt, nhãn thức giới cho đến ý thức giới cũng không biến khác không phân biệt.

Như tâm không biến khác không phân biệt, địa giới cho đến thức giới cũng không biến khác không phân biệt. Như tâm không biến khác không phân biệt, vô minh cho đến lão tử cũng không biến khác không phân biệt. Như tâm không biến khác không phân biệt, Bồ thí Ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không biến khác không phân biệt.

Như tâm không biến khác không phân biệt, bốn niệm trụ cho đến tám thánh đạo chi cũng không biến khác không phân biệt. Như tâm không biến khác không phân biệt, năm nhãn, sáu thần thông cũng không biến khác không phân biệt. Như tâm không biến khác không phân biệt, Phật mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng không biến khác không phân biệt. Như tâm không biến khác không phân biệt, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề cũng không biến khác không phân biệt.

Lúc đó, Xá-lợi-tử khen Thiện Hiện rằng: Hay thay, hay thay! Thật như đã nói. Ngài chơn Phật tử, từ tâm Phật sanh, từ khẩu Phật sanh, từ pháp Phật sanh, từ pháp hóa sanh, được phần Phật pháp, chẳng thọ phần của cải. Đối trong các pháp tự thân tác chứng, huệ nhãn hiện thấy mà năng khởi thuyết. Phật thường nói Ngài trong chúng Thanh văn trụ định Vô trạch rất là đệ nhất. Như Phật đã nói chơn thật chẳng hư.

Thiện Hiện! Các Bồ-tát Ma-ha-tát đối Bát-nhã Ba-la-mật-đa thẩm sâu nên học như vậy.

Thiện Hiện! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát đối Bát-nhã Ba-la-mật-đa thẩm sâu năng học như thế, nên biết đã trụ bậc Bát thối chuyển chẳng lìa Bát-nhã Ba-la-mật-đa, năng như thật quán thật tánh các pháp.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu các thiện nam tử, thiện nữ nhân kẻ muốn học bậc Thanh văn, nên đối Bát-nhã Ba-la-mật-đa thẩm sâu như thế phải siêng nghe thọ, đọc tụng kiên trì, suy nghĩ đúng lý, quan sát kỹ càng, khiến đến rốt ráo. Kẻ muốn học bậc Độc giác cũng đối Bát-nhã Ba-la-mật-đa thẩm sâu như thế, phải siêng nghe thọ, đọc tụng kiên trì, suy nghĩ đúng lý, quan sát kỹ càng, khiến đến rốt ráo. Kẻ muốn học bậc Bồ-tát và bậc Như Lai cũng đối Bát-nhã Ba-la-mật-đa thẩm sâu như thế phải siêng

nghe thọ, đọc tụng kiên trì, suy nghĩ đúng lý, quan sát kỹ càng khiến đến rốt ráo.

Vì có sao? Thiện Hiện! Vì trong kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa thẳm sâu như thể rộng nói khai thị pháp Tam thừa vậy. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát năng học Bát-nhã Ba-la-mật-đa, thời là học khắp các pháp Tam thừa đều được khéo léo.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Tôi đối Bát-nhã Ba-la-mật-đa và đối Bồ-tát Ma-ha-tát đều chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khiến tôi đem Bát-nhã Ba-la-mật-đa dạy răn dạy trao các Bồ-tát Ma-ha-tát?

Bạch Thế Tôn! Tôi đối Bát-nhã Ba-la-mật-đa chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy. Nếu đem Bát-nhã Ba-la-mật-đa dạy răn dạy trao các Bồ-tát Ma-ha-tát, định sẽ có ăn năn.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối các pháp chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy. Nếu đem các pháp dạy răn dạy trao các Bồ-tát Ma-ha-tát định sẽ có ăn năn.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối các pháp hoặc tăng hoặc giảm chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khá nói đây gọi Bồ-tát Ma-ha-tát, đây gọi Bát-nhã Ba-la-mật-đa?

Bạch Thế Tôn! Danh các Bồ-tát Ma-ha-tát và danh Bát-nhã Ba-la-mật-đa đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì hai nghĩa như thế vô sở hữu vậy; hai danh như thế đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối sắc cho đến thức hoặc tăng hoặc giảm chẳng biết chẳng đắc, cũng không sở thấy, làm sao khá nói đây là sắc cho đến thức, đây danh sắc thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì nghĩa sắc thấy này vô sở hữu vậy. Danh sắc thấy đây đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối nhãn xứ cho đến ý xứ hoặc tăng hoặc giảm chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khá nói đây là nhãn xứ cho đến ý xứ. Danh nhãn xứ thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì nghĩa nhãn xứ thấy vô sở hữu vậy. Danh nhãn xứ thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối sắc xứ cho đến pháp xứ hoặc tăng hoặc giảm chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khá nói đây là sắc xứ cho đến pháp xứ. Danh sắc xứ thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì nghĩa sắc xứ

thấy vô sở hữu vậy. Danh sắc xứ thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối nhãn giới cho đến ý giới hoặc tăng hoặc giảm, chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khá nói đây là nhãn giới cho đến ý giới. Danh nhãn giới thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì nghĩa nhãn giới thấy vô sở hữu vậy. Danh nhãn giới thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối sắc giới cho đến pháp giới hoặc tăng hoặc giảm, chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khá nói đây là sắc giới cho đến pháp giới. Danh sắc giới thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì nghĩa sắc giới thấy vô sở hữu vậy. Danh sắc giới thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối nhãn thức giới cho đến ý thức giới hoặc tăng hoặc giảm, chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khá nói đây là nhãn thức giới cho đến ý thức giới. Danh nhãn thức giới thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì nghĩa nhãn thức giới thấy vô sở hữu vậy. Danh nhãn thức giới thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối nhân xúc cho đến ý xúc hoặc tăng hoặc giảm, chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khá nói đây là nhân xúc cho đến ý xúc. Danh nhân xúc thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì nghĩa nhân xúc thấy vô sở hữu vậy. Danh nhân xúc thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối nhân xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ hoặc tăng hoặc giảm, chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khá nói đây là nhân xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Danh nhân xúc làm duyên sanh ra các thọ thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì nghĩa nhân xúc làm duyên sanh ra các thọ thấy vô sở hữu vậy. Danh nhân xúc làm duyên sanh ra các thọ thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối vô minh cho đến lão tử hoặc tăng hoặc giảm, chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khá nói đây là vô minh cho đến lão tử. Danh vô minh thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì nghĩa vô minh thấy vô sở hữu vậy. Danh vô minh thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối dứt vô minh cho đến dứt lão tử hoặc tăng hoặc giảm, chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khá nói đây là dứt vô minh cho đến dứt lão tử. Danh dứt vô minh thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì nghĩa dứt vô minh thấy vô sở hữu vậy. Danh dứt vô minh thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối tham sân si và các trói gút, tùy miên, kiến thú hoặc tăng hoặc giảm, chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khá nói đây là tham thấy. Danh tham thấy đây đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì nghĩa danh tham thấy đây vô sở hữu vậy. Danh tham thấy này đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối Bồ thí cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa hoặc tăng hoặc giảm, chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khá nói đây là Bồ thí cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Danh bồ thí thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì nghĩa bồ thí thấy vô sở hữu vậy. Danh bồ thí thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối ngã cho đến kiến giả hoặc tăng hoặc giảm, chẳng biết chẳng đắc cũng

không sở thấy, làm sao khá nói đây là ngã cho đến kiến giả. Danh ngã thấy đây đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì nghĩa ngã thấy đây vô sở hữu vậy. Danh ngã thấy này đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối bốn niệm trụ cho đến tám thánh đạo chi hoặc tăng hoặc giảm, chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khá nói đây là bốn niệm trụ cho đến tám thánh đạo chi. Danh bốn niệm trụ thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì nghĩa bốn niệm trụ thấy vô sở hữu vậy. Danh bốn niệm trụ thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối ba giải thoát môn hoặc tăng hoặc giảm, chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khá nói đây là ba giải thoát môn. Danh ba giải thoát môn đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì nghĩa ba giải thoát môn vô sở hữu vậy. Danh ba giải thoát môn đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối tĩnh lự, vô lượng, vô sắc hoặc tăng hoặc giảm, chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khá nói đây là tĩnh lự, vô lượng, vô sắc. Danh tĩnh lự thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì nghĩa tĩnh lự

thấy vô sở hữu vậy. Danh tĩnh lặng thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối tùy nhớ Phật, tùy nhớ Pháp, tùy nhớ Tăng, tùy nhớ giới, tùy nhớ xả, tùy nhớ thiên, tùy nhớ thọ, tùy nhớ chết hoặc tăng hoặc giảm, chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khá nói đây là tùy nhớ Phật cho đến tùy nhớ chết. Danh tùy nhớ Phật thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì nghĩa tùy nhớ Phật thấy vô sở hữu vậy. Danh tùy nhớ Phật thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối năm nhãn, sáu thần thông hoặc tăng hoặc giảm, chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khá nói đây là năm nhãn, sáu thần thông. Danh năm nhãn thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì nghĩa năm nhãn thấy vô sở hữu vậy. Danh năm nhãn thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối Phật mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoặc tăng hoặc giảm, chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khá nói đây là Phật mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Danh Phật mười lực thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì nghĩa Phật mười lực thấy vô sở hữu vậy. Danh Phật

mười lực thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối như mộng, như bóng sáng, như vang, như ánh nắng, như tượng, như trắng nước, như huyền, như biến hóa năm thủ uẩn hoặc tăng hoặc giảm chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khá nói đây là như mộng thấy năm thủ uẩn? Danh như mộng thấy năm thủ uẩn đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì là nghĩa như mộng thấy năm thủ uẩn vô sở hữu vậy. Danh như mộng thấy năm thủ uẩn đây đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối xa lìa, vắng lặng, vô sanh vô diệt, vô thành vô hoại, vô nhiễm vô tịnh, chơn như, pháp giới, pháp trụ, pháp định, thật tế hoặc tăng hoặc giảm chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khá nói đây là xa lìa cho đến thật tế. Danh xa lìa thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì nghĩa xa lìa thấy vô sở hữu vậy. Danh xa lìa thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối pháp hữu vi vô vi, hữu lậu vô lậu thấy hoặc tăng hoặc giảm, chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khá nói đây là pháp hữu vi vô vi, hữu lậu vô lậu thấy. Danh hữu

vi thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì nghĩa hữu vi thấy vô sở hữu vậy. Danh hữu vi thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại hoặc tăng hoặc giảm, chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khá nói đây là các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại. Danh quá khứ thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì nghĩa quá khứ thấy vô sở hữu vậy. Danh quá khứ thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối thế giới chư Phật mười phương Căng-già sa thấy, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các Bồ-tát, Thanh văn Tăng thấy hoặc tăng hoặc giảm, chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khá nói đây là thế giới chư Phật mười phương Căng-già sa thấy, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các Bồ-tát, Thanh văn Tăng thấy. Danh mười phương thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì nghĩa mười phương thấy vô sở hữu vậy. Danh mười phương thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi đối các pháp đã nói như trên hoặc tăng hoặc giảm chẳng biết chẳng đắc cũng

không sở thấy, làm sao khá nói đây là Bồ-tát Ma-ha-tát, đây là Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Bạch Thế Tôn! Tôi đối Bát-nhã Ba-la-mật-đa và đối Bồ-tát Ma-ha-tát đều chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khiến tôi đem Bát-nhã Ba-la-mật-đa dạy răn dạy trao các Bồ-tát Ma-ha-tát?

Bạch Thế Tôn! Danh các Bồ-tát Ma-ha-tát và danh Bát-nhã Ba-la-mật-đa đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì hai nghĩa như thế vô sở hữu vậy, hai danh như thế đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Các pháp như thế nhân duyên hòa hợp giả danh Bồ-tát Ma-ha-tát, giả danh Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Giả danh như thế với trong uẩn xứ giới chẳng thể nói, cho đến với trong mười tám pháp Phật bất cộng chẳng thể nói; với trong như mộng cho đến như biến hóa trong năm thủ uẩn chẳng thể nói; với trong vắng lặng xa lìa thấy chẳng thể nói; cho đến với trong thế giới chư Phật mười phương Căng-già sa thấy, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các Bồ-tát, Thanh văn Tăng thấy chẳng thể nói. Vì có sao? Bạch Thế Tôn! Các pháp đã nói như trên tăng giảm đều chẳng thể biết, cũng chẳng thể đắc, vì không sở thấy vậy.

Bạch Thế Tôn! Đã nói danh năm uẩn thấy như thế không xứ khá nói. Danh các Bồ-tát Ma-ha-tát và danh Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không xứ khá nói. Danh như mộng thấy không xứ khá nói. Danh như hư không không xứ khá nói. Danh như địa thủy hỏa phong không xứ khá nói. Danh như giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến không xứ khá nói. Danh như Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Như Lai và các pháp kia không xứ khá nói. Danh như thiện phi thiện, thường vô thường, vui khổ, ngã vô ngã, vắng lặng chẳng vắng lặng thấy hoặc có hoặc không đều không xứ khá nói. Như vậy danh Bồ-tát Ma-ha-tát và danh Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không xứ khá nói. Sở dĩ vì sao? Các danh như thế đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì các nghĩa như thế vô sở hữu vậy. Các danh như thế đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Tôi duyên nghĩa này nên nói đối pháp hoặc tăng hoặc giảm chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm sao khá nói đây là danh Bồ-tát Ma-ha-tát, đây là danh Bát-nhã Ba-la-mật-đa?

Bạch Thế Tôn! Tôi đối hai đây hoặc nghĩa hoặc danh, chẳng biết chẳng đắc cũng không sở thấy, làm

sao khiến tôi đem Bát-nhã Ba-la-mật-đa dạy răn dạy trao các Bồ-tát Ma-ha-tát?

Bạch Thế Tôn! Bởi nhân duyên này, nếu đem pháp đây dạy răn dạy trao các Bồ-tát Ma-ha-tát, định sẽ có ăn năn.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát khi nghe đem tướng đây tuyên nói Bát-nhã Ba-la-mật-đa tâm chẳng chìm đắm, chẳng ưu chẳng hối, cũng lại chẳng kinh chẳng sợ chẳng hãi, phải biết Bồ-tát Ma-ha-tát này quyết định đã trụ bậc Bát thối chuyển, đem phương tiện vô sở trụ mà trụ, không sở chấp trước.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa chẳng nên trụ sắc cho đến thức, chẳng nên trụ nhãn xứ cho đến ý xứ. Chẳng nên trụ sắc xứ cho đến pháp xứ. Chẳng nên trụ nhãn giới cho đến ý giới. Chẳng nên trụ sắc giới cho đến pháp giới. Chẳng nên trụ nhãn thức giới cho đến ý thức giới. Chẳng nên trụ nhãn xúc cho đến ý xúc. Chẳng nên trụ nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Chẳng nên trụ địa giới cho đến thức giới. Chẳng nên trụ vô minh cho đến lão tử.

Vì có sao? Bạch Thế Tôn! Sắc, tánh sắc không; thọ tướng hành thức, tánh thọ tướng hành thức không.

Bạch Thế Tôn! Sắc không này chẳng phải sắc. Sắc chẳng là không, không chẳng là sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ tướng hành thức cũng lại như thế. Bởi nhân duyên đây, các Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa chẳng nên trụ sắc cho đến thức. Như vậy cho đến lão tử cũng thế.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa chẳng nên trụ bốn niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Vì có sao? Bạch Thế Tôn! Bốn niệm trụ, tánh bốn niệm trụ không. Bạch Thế Tôn! Bốn niệm trụ không này chẳng phải bốn niệm trụ. Bốn niệm trụ chẳng là không, không chẳng là bốn niệm trụ. Bốn niệm trụ tức là không, không tức là bốn niệm trụ. Cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng lại như thế. Bởi nhân duyên đây, các Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa chẳng nên trụ bốn niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa chẳng nên trụ Bồ thí cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Vì có sao? Bạch Thế Tôn! Bồ thí, tánh bồ thí không. Bạch Thế Tôn!

Bồ thí không này chẳng phải bồ thí. Bồ thí chẳng là không, không chẳng là bồ thí. Bồ thí tức là không, không tức là bồ thí. Cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng lại như thế. Bởi nhân duyên đây, các Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa chẳng nên trụ Bồ thí cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa chẳng nên trụ các chữ, chẳng nên trụ các chữ dẫn ra, hoặc một dẫn ra, hoặc hai dẫn ra, hoặc nhiều dẫn ra. Vì có sao? Bạch Thế Tôn! Các chữ, tánh các chữ không. Bạch Thế Tôn! Các chữ không này chẳng phải các chữ. Các chữ chẳng là không, không chẳng là các chữ. Các chữ tức là không, không tức là các chữ. Các chữ dẫn ra cũng lại như thế. Bởi nhân duyên đây các Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa chẳng nên trụ các chữ và các chữ dẫn ra.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa chẳng nên trụ thần thông. Vì có sao? Bạch Thế Tôn! Thần thông, tánh thần thông không. Bạch Thế Tôn! Thần thông không này chẳng phải thần thông. Thần thông chẳng là không, không chẳng là thần thông. Thần thông tức là không, không tức là thần thông. Bởi nhân duyên đây, các Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa chẳng nên trụ thần thông.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ sắc cho đến thức hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc không hoặc bất không, hoặc hữu tướng hoặc vô tướng, hoặc hữu nguyện hoặc vô nguyện, hoặc vắng lặng hoặc chẳng vắng lặng, hoặc xa lìa hoặc chẳng xa lìa. Vì có sao? Bạch Thế Tôn! Pháp sắc thấy thường vô thường, tánh pháp sắc thấy thường vô thường không. Bạch Thế Tôn! Pháp sắc thấy thường vô thường không này chẳng phải pháp sắc thấy thường vô thường. Pháp sắc thấy thường vô thường chẳng lìa không, không chẳng lìa pháp sắc thấy thường vô thường. Pháp sắc thấy thường vô thường tức là không, không tức là pháp sắc thấy thường vô thường. Bởi nhân duyên đây, các Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa chẳng nên trụ sắc cho đến thức hoặc thường hoặc vô thường. Pháp sắc thấy vui khổ cho đến xa lìa chẳng xa lìa cũng lại như thế.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa chẳng nên trụ chơn như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, thật tế. Vì có sao? Bạch Thế Tôn! Chơn như, tánh chơn như không. Bạch Thế Tôn! Chơn như không này chẳng phải chơn như. Chơn như chẳng lìa không, không

chẳng lìa chơn như. Chơn như tức là không, không tức là chơn như. Bởi nhân duyên đây, các Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa chẳng nên trụ chơn như. Pháp giới, pháp tánh, pháp định, thật tế cũng lại như thế.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa chẳng nên trụ tất cả đà-la-ni môn, tam-ma-địa môn. Vì có sao? Bạch Thế Tôn! Tất cả đà-la-ni môn, tánh đà-la-ni môn không. Bạch Thế Tôn! Đà-la-ni môn không này chẳng phải đà-la-ni môn. Đà-la-ni môn chẳng lìa không, không chẳng lìa đà-la-ni môn. Đà-la-ni môn tức là không, không tức là đà-la-ni môn. Bởi nhân duyên đây, các Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa chẳng nên trụ tất cả đà-la-ni môn. Tam-ma-địa môn cũng lại như thế.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát không phương tiện khéo léo, khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa chấp ngã, ngã sở, vì rồi buộc nơi tâm bèn trụ nơi sắc, trụ thọ tưởng hành thức. Do trụ đây nên đối sắc làm gia hạnh, đối thọ tưởng hành thức làm gia hạnh. Bởi gia hạnh nên chẳng năng tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa thẳm sâu. Vì có sao? Bạch Thế Tôn! Do kia gia hạnh chẳng năng nhiếp thọ Bát-nhã Ba-la-mật-đa thẳm sâu, chẳng năng chánh học Bát-nhã Ba-la-mật-đa thẳm sâu, chẳng năng

viên mãn Bát-nhã Ba-la-mật-đa thâm sâu, chẳng năng thành xong được Nhất thiết trí trí.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát không phương tiện khéo léo, khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa chấp ngã, ngã sở trói buộc rắc rối nơi tâm vậy. Cho đến bèn trụ tất cả đà-la-ni môn và tam-ma-địa môn. Do trụ đây nên đối đà-la-ni môn và tam-ma-địa môn làm gia hạnh. Bởi gia hạnh nên chẳng năng tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa thâm sâu. Vì có sao? Bạch Thế Tôn! Bởi kia gia hạnh chẳng năng nhiếp thọ Bát-nhã Ba-la-mật-đa thâm sâu, chẳng năng chánh học Bát-nhã Ba-la-mật-đa thâm sâu, chẳng năng viên mãn Bát-nhã Ba-la-mật-đa thâm sâu, chẳng năng thành xong Nhất thiết trí trí.

Sở dĩ vì sao? Bạch Thế Tôn! Sắc chẳng nên nhiếp thọ, thọ tướng hành thức chẳng nên nhiếp thọ. Vì sắc chẳng nên nhiếp thọ, bèn chẳng phải sắc. Vì thọ tướng hành thức chẳng nên nhiếp thọ, bèn chẳng phải thọ tướng hành thức. Vì có sao? Vì sắc cho đến thức bản tánh không vậy.

Bạch Thế Tôn! Cho đến tất cả đà-la-ni môn chẳng nên nhiếp thọ, tam-ma-địa môn cũng chẳng nên nhiếp thọ. Vì đà-la-ni môn chẳng nhiếp thọ, nên chẳng phải đà-la-ni môn. Vì tam-ma-địa môn chẳng

nên nhiếp thọ, nên cũng chẳng phải tam-ma-địa môn. Vì có sao? Vì đà-la-ni môn và tam-ma-địa môn đều bản tánh không vậy.

Bạch Thế Tôn! Kia sở nhiếp thọ chánh học viên mãn Bát-nhã Ba-la-mật-đa thẳm sâu cũng chẳng nên nhiếp thọ. Như vậy, vì Bát-nhã Ba-la-mật-đa chẳng nên nhiếp thọ, bèn chẳng phải Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Vì có sao? Vì bản tánh không vậy.

Như vậy, Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa, nên đem bản tánh không quán tất cả pháp. Khi tác quán đây, tâm không hành xứ, đây gọi Bồ-tát Ma-ha-tát không sở nhiếp thọ tam-ma-địa. Tam-ma-địa vi diệu thù thắng rộng lớn vô lượng, năng nhóm vô biên vô ngại tác nghiệp chẳng bị tất cả Thanh văn, Độc giác sở dẫn cướp đoạt. Kia sở thành xong Nhất thiết trí trí cũng chẳng nên nhiếp thọ, vì đây chẳng nên nhiếp thọ bèn chẳng phải Nhất thiết trí trí. Vì có sao? Do vì nội không cho đến vô tánh tự tánh không vậy.

Sở dĩ vì sao? Bạch Thế Tôn! Nhất thiết trí trí này chẳng lấy tướng tu được. Vì có sao? Các lấy tướng ấy đều là phiền não. Những gì là tướng? Chỗ gọi tướng sắc, tướng thọ tướng hành thức. Tướng nhãn cho đến tướng ý. Tướng sắc cho đến tướng pháp. Tướng nhãn thức cho đến tướng ý thức.

Tướng niệm trụ cho đến tướng đạo chi. Tướng Ba-la-mật-đa. Tướng thần thông. Tướng văn tự. Tướng mười lực cho đến tướng mười tám pháp Phật bất cộng. Tướng không, vô tướng, vô nguyện. Tướng tạo tác. Tướng chơn như, tướng pháp giới, pháp tánh, pháp định, thật tế. Tướng đà-la-ni môn, tướng tam-ma-địa môn. Đối các tướng đây mà chấp lấy ấy, gọi là phiền não. Vậy nên chẳng nên lấy tướng tu được Nhất thiết trí trí. Nếu lấy tướng tu được Nhất thiết trí trí ấy, thời Thắng Quân Phạm chí đối Nhất thiết trí trí chẳng nên tin hiểu.

Những gì gọi là tướng tin hiểu? Nghĩa là đối Bát-nhã Ba-la-mật-đa rất sanh tịnh tín. Do sức thắng giải, suy lường quan sát Nhất thiết trí trí, chẳng lấy tướng làm phương tiện, cũng chẳng lấy phi tướng làm phương tiện, vì tướng phi tướng đều chẳng thể lấy vậy.

Thắng Quân Phạm chí đây mặc dù do sức tin hiểu về với Phật pháp gọi là tùy tín hành, mà năng đem bản tánh không ngộ vào Nhất thiết trí trí. Đã ngộ vào rồi, chẳng lấy tướng sắc, chẳng lấy tướng thọ tướng hành thức, cho đến đà-la-ni môn, tam-ma-địa môn. Vì có sao? Vì tất cả pháp tự tướng đều không, hay lấy bị lấy chẳng thể được vậy.

Sở dĩ vì sao? Do Phạm chí đây chẳng lấy nội đặc hiện quán mà quán Nhất thiết trí trí. Chẳng lấy ngoại đặc hiện quán mà quán Nhất thiết trí trí. Chẳng lấy nội ngoại đặc hiện quán mà quán Nhất thiết trí trí. Chẳng lấy vô trí đặc hiện quán mà quán Nhất thiết trí trí. Chẳng lấy dư đặc hiện quán mà quán Nhất thiết trí trí. Chẳng lấy bất đặc hiện quán mà quán Nhất thiết trí trí. Sở dĩ vì sao? Như vậy Phạm chí chẳng thấy sở quán Nhất thiết trí trí, chẳng thấy năng quán Bát-nhã, chẳng thấy kẻ quán, xứ quán, thời quán.

Như vậy, Phạm chí chẳng đối nội sắc thọ tướng hành thức quán Nhất thiết trí trí. Cũng chẳng đối ngoại và nội ngoại sắc thọ tướng hành thức quán Nhất thiết trí trí. Cũng chẳng là sắc thọ tướng hành thức quán Nhất thiết trí trí. Như vậy cho đến đà-la-ni môn, tam-ma-địa môn cũng lại như thế. Vì có sao? Hoặc nội, hoặc ngoại, hoặc nội ngoại, hoặc là nội ngoại tất cả đều không, vì bất khả đặc vậy.

Thắng Quân Phạm chí dùng các môn ly tướng như thế thấy đối Nhất thiết trí trí rất sanh tin hiểu, đối tất cả pháp đều không lấy chấp, vì thật tướng các pháp bất khả đặc vậy. Như vậy Phạm chí dùng môn ly tướng đối Nhất thiết trí trí được tin hiểu rồi, đối tất cả pháp đều chẳng lấy tướng, cũng chẳng suy

nghĩ vô tướng các pháp, vì pháp tướng vô tướng đều bất khả đắc vậy.

Như vậy, Phạm chí do sức thắng giải đối tất cả pháp chẳng lấy chẳng bỏ, vì trong pháp thật tướng không lấy bỏ vậy. Khi ấy, Phạm chí với tự tin hiểu cho đến Niết-bàn cũng chẳng lấy chấp. Vì có sao? Vì tất cả pháp bản tánh đều không, chẳng thể lấy vậy.

--- o0o ---